

Bản án số: 01/2022/KDTM-ST
Ngày 24-01-2022
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Mạnh Quyền;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Văn Duy và ông Trần Văn Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hùng, Thẩm tra viên.

- Đại diện VKSND huyện P tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh,
Kiểm sát viên.

Ngày 24/01/2022, tại trụ sở; Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ dân sự thụ lý số: 04/2021/TLST-KDTM, ngày 19 tháng 10 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXXST-KDTM ngày 24/12/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2022/QĐST-KDTM ngày 10/01/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Quý tín dụng nhân dân Q;

Địa chỉ: thôn Q, xã Q, huyện P, tỉnh H;

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị L, chức danh: Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L:

- Ông Hoàng Ngọc C, sinh năm 1976; “có mặt”

Địa chỉ: Tổ 7, phường V, quận L, thành phố H;

- Ông Nguyễn Xuân T, sinh năm 1985; “có mặt”

Địa chỉ: Thôn Đ, xã B, thành phố H, tỉnh H;

Địa chỉ gửi các văn bản tố tụng: Thôn Q, xã Q, huyện P, tỉnh H.

2. *Bị đơn:*

- Bà Quách Thị L, sinh năm 1965; “vắng mặt”

- Ông Phạm Văn H, sinh năm 1965; “vắng mặt”

Cùng địa chỉ: Thôn V, xã Q, huyện P, tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Nguyễn Xuân T trình bày:

Quỹ tín dụng nhân dân Q, huyện P, tỉnh H và vợ chồng bà Quách Thị L, ông Phạm Văn H có ký hợp đồng tín dụng trung hạn số: TH01063/HĐTD ngày 17/9/2014, theo hợp đồng tín dụng thì vợ chồng bà L, ông H vay của Quỹ tín dụng nhân dân Q số tiền 166.000.000 đồng (một trăm sáu mươi sáu triệu đồng chẵn), lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng L 1,2%/tháng, lãi suất quá hạn L 1,8%/tháng; mục đích vay L để bán hàng tạp hóa, thời hạn vay L 36 tháng, hình thức trả nợ gốc 01 lần vào thời hạn trả nợ cuối cùng ngày 17/9/2017, lãi suất trả theo tháng. Bên vay bà L, ông H đã được Quỹ tín dụng nhân dân Q giải ngân một lần toàn bộ số tiền L 166.000.000 đồng thể hiện tại giấy nhận nợ ngày 17/9/2014. Từ ngày vay cho đến nay, bà L, ông H mới chỉ trả được 1.937.000 đồng tiền lãi, ngoài ra không trả cho Quỹ tín dụng nhân dân Q khoản nào khác. Đến thời hạn trả nợ theo hợp đồng tín dụng, bà L, ông H không thực hiện việc trả nợ theo cam kết trong hợp đồng tín dụng nên từ ngày 17/9/2017 cho đến nay khoản vay của bà L, ông H đã quá hạn toàn bộ nợ gốc L 166.000.000 đồng. Do bà L, ông H không thực hiện đúng cam kết theo hợp đồng tín dụng nên Quỹ tín dụng nhân dân Q đã nhiều lần thông báo bằng văn bản gửi tới bà L, ông H đề nghị thực hiện nghiêm túc việc trả nợ. Xong đến nay bà L, ông H vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do vậy, Quỹ tín dụng nhân dân Q khởi kiện bà L, ông H, đề nghị Tòa án nhân dân huyện P giải quyết: Buộc bà L, ông H phải trả cho Quỹ tín dụng nhân dân Q toàn bộ số tiền nợ gốc L 166.000.000 đồng; số tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn tạm tính đến ngày 12/10/2021 L 218.843.000 đồng, trong đó: Lãi trong hạn từ ngày 17/9/2014 đến ngày 17/9/2017 L 70.837.400 đồng, lãi quá hạn từ ngày 17/9/2017 đến ngày 12/10/2021 L 148.005.600 đồng. Tổng cộng cả nợ gốc và nợ lãi L 384.843.000 đồng. Buộc bà L, ông H phải tiếp tục chịu lãi quá hạn theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đối với số nợ gốc chưa trả tính từ ngày 12/10/2021 cho đến khi trả xong nợ gốc. Về hợp đồng thế chấp tài sản L quyền sử dụng đất của vợ chồng bà L, ông H ở thôn V, xã Q, huyện P, tỉnh H để bảo đảm cho khoản vay trên, Quỹ tín dụng nhân dân Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 22/11/2021 và ngày 23/11/2021 bị đơn bà Quách Thị L, ông Phạm Văn H trình bày:

Năm 2014 do nhu cầu cần vốn bán hàng tạp hóa nên vợ chồng ông, bà có ký hợp đồng tín dụng với Quỹ tín dụng nhân dân Q để vay số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng chẵn), lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng ban đầu L 1,2%/tháng sau đó điều chỉnh lên 1,7%/tháng. Sau khi ký hợp đồng tín dụng, Quỹ tín dụng nhân dân Q đã giải ngân và vợ chồng ông, bà đã nhận đủ số tiền giải ngân L 150.000.000 đồng. Quá trình vay, do Lm ăn thua lỗ nên khi hết hạn hợp đồng tín dụng, vợ chồng ông, bà không có khả năng thanh toán khoản vay nêu trên trả Quỹ tín dụng. Nay Quỹ tín dụng nhân dân Q khởi kiện yêu cầu ông, bà phải thanh toán trả Quỹ tín dụng số tiền nợ gốc L 166.000.000 đồng và lãi suất phát sinh từ khi chậm trả tạm tính đến ngày 12/10/2021 L 218.843.300 đồng thì quan điểm của ông, bà không nhất trí. Ông, bà chỉ xác nhận vay của quỹ tín dụng số tiền

nợ gốc L 150.000.000 đồng và chưa trả lãi suất phát sinh từ khi ký hợp đồng tín dụng cho đến nay. Ông, bà xác nhận chữ ký và chữ viết trong hợp đồng tín dụng, trong giấy nhận nợ ngày 17/9/2014 đúng L chữ viết và chữ ký của ông, bà nhưng số tiền nợ gốc 166.000.000 đồng ghi trong hợp đồng tín dụng L không đúng. Ông, bà đề nghị Quỹ tín dụng nhân dân Q tạo điều kiện cho ông, bà trả dần số tiền nợ gốc 150.000.000 đồng và lãi suất phát sinh từ khi ký hợp đồng tín dụng cho đến nay.

Quá trình chuẩn bị xét xử: Bị đơn bà Quách Thị L, ông Phạm Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Tại phiên tòa: Đại diện nguyên đơn theo ủy quyền của Quỹ tín dụng nhân dân Q yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà Quách Thị L, ông Phạm Văn H phải thanh toán trả Quỹ tín dụng nhân dân Q số tiền nợ gốc L 166.000.000 đồng, lãi suất trong hạn từ ngày 17/9/2014 đến 17/9/2017 L: 1.096 ngày x 166.000.000 đồng x 1,2%/30 ngày - 1.937.000 đồng (tiền lãi đã trả) = 70.837.400 đồng; lãi suất quá hạn từ ngày 17/9/2017 đến ngày 24/01/2022 L 1.590 ngày x 166.000.000 đồng x 1,8%/30 ngày = 158.364.000 đồng. Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm nếu bà L, ông H không trả được số tiền nợ gốc thì bà L, ông H còn phải tiếp tục chịu lãi suất quá hạn theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đối với số nợ gốc chưa trả cho đến khi trả xong nợ gốc. Về hợp đồng thế chấp tài sản L quyền sử dụng đất của vợ chồng bà L, ông H ở thôn V, xã Q, huyện P, tỉnh H để bảo đảm cho khoản vay trên, Quỹ tín dụng nhân dân Q không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, đề nghị Tòa án tuyên bị đơn bà Quách Thị L, ông Phạm Văn H phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Đại diện VKSND huyện P phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa bị đơn bà L, ông H vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên đề nghị HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn bà L, ông H.

- Về đường lối giải quyết: Đề nghị HĐXX: Áp dụng khoản 1 Điều 281, Điều 290, Điều 298, Điều 471, Điều 474, Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 12 Luật ngân hàng nhà nước; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 3, 6, khoản 2 Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án, lệ phí Tòa án. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân Q, buộc bà Quách Thị L, ông Phạm Văn H phải trả Quỹ tín dụng nhân dân Q toàn bộ số tiền nợ gốc 166.000.000 đồng và các khoản lãi trong hạn, lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 24/01/2022 L: 229.201.400 đồng. Về tài sản thế chấp: Các bên đương sự không có đề nghị gì nên không xem xét, giải quyết.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm kinh doanh thương mại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh H nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thủ tục tố tụng giải quyết vụ án:

- Về quan hệ pháp luật: Quỹ tín dụng nhân dân Q có đơn khởi kiện vợ chồng bà Quách Thị L và ông Phạm Văn H để yêu cầu trả nợ do vi phạm nghĩa vụ theo hợp đồng tín dụng số TH01063/HĐTD ngày 17/9/2014 giữa các bên đã ký kết. Bà L, ông H vay vốn của Quỹ tín dụng nhân dân Q để bán hàng tạp hóa có mục đích lợi nhuận nên đây là quan hệ tranh chấp kinh doanh thương mại “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” giữa nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân Q và bị đơn bà Quách Thị L, ông Phạm Văn H. Bà L, ông H có hộ khẩu thường trú và hiện đang cư trú tại thôn V, xã Q, huyện P, tỉnh H nên Tòa án nhân dân huyện P thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Quách Thị L, ông Phạm Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do; căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, HĐXX nhận định:

- Về hợp đồng tín dụng trung hạn số TH01063/HĐTD ký ngày 17/9/2014 giữa bên cho vay L Quỹ tín dụng nhân dân Q với bên vay L vợ chồng bà Quách Thị L, ông Phạm Văn H: Các bên tham gia ký kết hợp đồng có đủ năng lực hành vi dân sự và tự nguyện giao kết hợp đồng; nội dung và mục đích hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Việc lập hợp đồng tín dụng được thực hiện phù hợp với quy định của pháp luật dân sự. Vì vậy, hợp đồng trên là hợp pháp và Lm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên tham gia giao kết hợp đồng.

- Về yêu cầu trả nợ gốc của nguyên đơn:

Căn cứ vào các tài liệu đã thu thập được trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định: Ngày 17/9/2014 vợ chồng bà Quách Thị L, ông Phạm Văn H có ký hợp đồng tín dụng trung hạn số TH01063/HĐTD ngày 17/9/2014 và phụ lục hợp đồng ngày 17/9/2014 với Quỹ tín dụng nhân dân Q để vay số tiền 166.000.000 đồng, thời hạn vay L 36 tháng (17/9/2014 - 17/9/2017), sau khi ký kết hợp đồng tín dụng, Quỹ tín dụng nhân dân Q đã thực hiện nghĩa vụ của bên cho vay L giải ngân một lần toàn bộ số tiền 166.000.000 đồng; bên vay L vợ chồng bà Quách Thị L, ông Phạm Văn H đã ký và nhận đủ số tiền mà Quỹ tín dụng nhân dân Q giải ngân, được thể hiện tại giấy nhận nợ và phiếu chi ngày 17/9/2014. Quá trình thực hiện hợp đồng (từ ngày 17/9/2014 đến 17/9/2017), cũng như từ khi hết hạn hợp đồng (từ ngày

17/9/2017) cho đến nay, vợ chồng bà Quách Thị L, ông Phạm Văn H chưa thanh toán được một khoản tiền nợ gốc nào cho Quỹ tín dụng nhân dân Q.

Việc vợ chồng bà Quách Thị L, ông Phạm Văn H trình bày: Ông, bà thừa nhận có ký hợp đồng tín dụng với Quỹ tín dụng nhân dân Q vào ngày 17/9/2014, chữ viết và chữ ký trong hợp đồng tín dụng đúng L chữ viết và chữ ký của ông, bà nhưng số tiền 166.000.000 đồng ghi trong hợp đồng tín dụng L không đúng; ông, bà xác nhận chỉ vay của Quỹ tín dụng nhân dân Q số tiền L 150.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà L, ông H không xuất trình được bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh việc ông, bà chỉ vay của Quỹ tín dụng số tiền 150.000.000 đồng, cũng như không chứng minh được việc bà L, ông H đã thanh toán được một khoản nợ gốc nào cho Quỹ tín dụng. Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà L, ông H, Tòa án nhân dân huyện P đã triệu tập bà L, ông H đến Tòa án để tham gia đối chất với đại diện của Quỹ tín dụng nhân dân Q, cũng như Tòa án đã thông báo cho bà L, ông H giao nộp tài liệu, chứng cứ nhưng bà L, ông H không đến Tòa án làm việc, không giao nộp bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh quan điểm của ông, bà L có căn cứ và hợp pháp. Do vậy, Quỹ tín dụng nhân dân Q khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà Quách Thị L, ông Phạm Văn H phải thanh toán trả Quỹ tín dụng số tiền nợ gốc 166.000.000 đồng L có căn cứ.

- Về yêu cầu trả lãi suất của nguyên đơn:

Theo hợp đồng tín dụng, các bên thỏa thuận áp dụng mức lãi suất cho vay tại thời điểm ký kết hợp đồng tín dụng L 1,2%/tháng, không thỏa thuận điều chỉnh lãi suất, lãi suất cho vay nên mức lãi suất 1,2%/tháng sẽ được áp dụng cho cả thời hạn vay 36 tháng (từ ngày 17/9/2014 đến ngày 17/9/2017); lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận bằng 150% lãi suất vay trong hạn, tương ứng L 1,8%/tháng. Sự thỏa thuận của các bên đương sự nêu trên L phù hợp với quy định của Luật ngân hàng nhà nước và Luật các tổ chức tín dụng.

Việc bị đơn bà L, ông H trình bày lãi suất thỏa thuận ban đầu L 1,2%/tháng sau đó điều chỉnh lãi suất lên 1,7%/tháng L không có căn cứ, bởi lẽ trong hợp đồng tín dụng, phụ lục hợp đồng hai bên ký kết ngày 17/9/2014 không có thỏa thuận điều chỉnh lãi suất; sau khi ký hợp đồng tín dụng, hai bên cũng không thay đổi nội dung điều khoản nào của hợp đồng tín dụng.

Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án, lời khai của các bên đương sự có căn cứ xác định:

+ Từ ngày 17/9/2014 đến ngày 17/9/2017, bị đơn bà Quách Thị L, ông Phạm Văn H mới thanh toán trả Quỹ tín dụng nhân dân Q số tiền lãi trong hạn L 1.937.000 đồng (được thể hiện tại phiếu thu ngày 22/10/2014), ngoài ra bà L, ông H không thanh toán được khoản lãi nào khác, điều này cũng đã được chính bị đơn bà L, ông H thừa nhận *“chưa trả lãi phát sinh từ khi ký hợp đồng tín dụng cho đến nay”*. Như vậy, số tiền lãi trong hạn còn lại bà L, ông H chưa thanh toán từ ngày 17/9/2014 đến 17/9/2017 L: 1.096 ngày x 166.000.000 đồng x 1,2%/30 ngày - 1.937.000 đồng (lãi đã trả) = 70.837.400 đồng.

+ Kể từ ngày hết hạn hợp đồng ngày 17/9/2017, do nợ quá hạn toàn bộ khoản tiền gốc 166.000.000 đồng chưa thanh toán nên toàn bộ khoản nợ gốc sẽ chuyển sang nợ quá hạn kể từ ngày 18/9/2017 và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất vay, tương ứng 1,8%/tháng đối với thời gian quá hạn như trong hợp

đồng tín dụng. Cụ thể: Từ ngày 18/9/2017 tính đến ngày xét xử (ngày 24/01/2022) L: 1.590 ngày x 166.000.000 đồng x 1,8%/30 ngày = 158.364.000 đồng.

Như vậy, số tiền lãi trong hạn + số tiền lãi quá hạn tính đến ngày 24/01/2022 mà bà L, ông H phải trả Quỹ tín dụng nhân dân Q L: 70.837.400 đồng + 158.364.000 đồng = 229.201.400 đồng.

Do vậy, Căn cứ vào các Điều 121, 122, 124, khoản 1 Điều 281, Điều 290, Điều 298, Điều 471, Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 12 của Luật ngân hàng nhà nước; Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 7, Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ- HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử nhận định cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc vợ chồng bà Quách Thị L, ông Phạm Văn H phải trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền nợ gốc và các khoản lãi gồm: Tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 24/01/2022) L 395.201.400 đồng. Trong đó, tiền nợ gốc L 166.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn L 70.837.400 đồng, lãi quá hạn L 158.364.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về hợp đồng thế chấp tài sản: Nguyên đơn không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Bị đơn bà Quách Thị L, ông Phạm Văn H phải chịu toàn bộ án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 121, 122, 124, khoản 1 Điều 281, Điều 290, Điều 298, Điều 471, Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 12 của Luật ngân hàng nhà nước; Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 7, Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ- HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc quy định về án, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân Q.

Buộc vợ chồng bà Quách Thị L, ông Phạm Văn H phải thanh toán trả Quỹ tín dụng nhân dân Q tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 24/01/2022) L 395.201.400 đồng (ba trăm chín mươi lăm triệu hai trăm linh một nghìn bốn trăm đồng). Trong đó, tiền nợ gốc L 166.000.000 đồng (một trăm sáu mươi sáu triệu đồng); tiền lãi trong hạn L 70.837.400 đồng (bảy mươi triệu tám trăm ba mươi bảy

ngàn bốn trăm đồng), tiền lãi quá hạn L 158.364.000 đồng (một trăm năm mươi tám triệu ba trăm sáu mươi bốn ngàn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về án phí: Bà Quách Thị L, ông Phạm Văn H phải chịu 19.760.000 đồng (mười chín triệu bảy trăm sáu mươi ngàn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả Quỹ tín dụng nhân dân Q số tiền 9.621.075 đồng (chín triệu sáu trăm hai mươi một ngàn không trăm bảy mươi lăm đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2021/0006011, ngày 19/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P.

Các vấn đề khác Hội đồng xét xử không xét.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

T hợp Quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh H;
- VKSND huyện P
- Chi cục THADS huyện P;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Mạnh Quyền